

Bản án số: 12/2020/HS-ST
Ngày 12 - 5 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Huệ

Bà Hà Thị Minh Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lương Văn N, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1991 tại xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái;

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Tuấn A và bà Nguyễn Thị T; vợ: Bùi Thị T (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định về việc áp dụng biện pháp đưa đối tượng nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh số 02/QĐ-UBND ngày 03/12/1010 của Chủ tịch UBND huyện Y, tỉnh Yên Bái với thời hạn 24 tháng, ngày 18/5/2017 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh G ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Cố ý gây thương tích”, ngày 18/01/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh G ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự; bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020, tạm giam từ ngày 07/02/2020, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, có mặt.

2. Lê Văn T, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1987 tại huyện L, tỉnh H;

Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê D và bà Nguyễn H; vợ: Nguyễn Ng và 02 người con

(lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014); tiền án: Bản án số 17/2018/HS-ST ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định về việc đưa người nghiện ma túy vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Yên Bái số 1035/QĐ-UBND ngày 29/6/2012 của Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Yên Bái với thời hạn 24 tháng; bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020, tạm giam từ ngày 07/02/2020, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, có mặt.

- Bị hại: Ông Phạm Ngọc Ng, sinh năm 1949

Trú tại: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn P, sinh năm 1970

Trú tại: Tổ dân phố số 6, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 31/01/2020, Lê Văn T gọi điện cho Lương Văn N, rủ N đi chơi. Sau đó, T lấy xe mô tô của mẹ để là bà Nguyễn H đi đón N ở khu vực gần nhà nghỉ S thuộc tổ dân phố số 4, thị trấn M, huyện V và cả hai đi uống nước tại công viên thị trấn M. Trong khi nói chuyện, T bảo “đạo này không có tiền tiêu sài”, thấy vậy N rủ T vào xã N, huyện V xem nhà ai sơ hở thì trộm cắp tài sản, T đồng ý. Khoảng 15 giờ cùng ngày, N điều khiển xe mô tô chở T đi vào thôn T, xã N, huyện V, khi đi đến nhà ông Phạm Ngọc Ng thấy nhà ông Ng cách xa các hộ dân khác, xung quanh không có người nên T bảo N điều khiển xe đi vào sân nhà ông Ng, T gọi “có ai ở nhà không” nhưng không có ai trả lời. T nhìn qua cửa sổ thấy trong nhà có 01 chiếc tivi nhãn hiệu Samsung 43 inch để trên bàn. T nói với N “trong nhà có ti vi”, N đi đến cửa bếp dùng tay kéo cửa đi vào, còn T đứng ngoài hè quan sát, cảnh giới, N vào nhà đi đến vị trí để tivi tháo dây cáp tín hiệu rồi ôm chiếc tivi ra ngoài sân. T điều khiển xe, còn N ngồi sau ôm chiếc tivi vừa trộm cắp được đến cửa hàng sửa chữa và mua bán đồ điện tử NP thuộc tổ dân phố số 6 thị trấn M, huyện V bán cho ông Trần Văn P là chủ cửa hàng với giá 1.200.000 đồng. T và N đã tiêu sài hết 1.020.000 đồng, còn lại 180.000 đồng N đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/DGTS-HĐĐG ngày 05/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V đối với chiếc ti vi do N và T trộm cắp, kết luận: Giá trị tài sản trưng cầu định giá có giá trị tại thời điểm ngày 31/01/2020 là 2.900.000 (hai triệu chín trăm nghìn) đồng.

Ngày 07/02/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên đã trả lại chiếc tivi do N và T đã trộm cắp cho chủ sở hữu là ông Phạm Ngọc Ng.

Gia đình các bị cáo đã bồi thường cho ông Trần Văn P số tiền 1.200.000

đồng, là khoản tiền các bị cáo bán chiếc ti vi cho ông P.

Ông Phạm Ngọc Ng và ông Trần Văn P không yêu cầu đề nghị gì thêm.

Cáo trạng số: 17/CT-VKS-VY ngày 13/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái truy tố Lương Văn N và Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lương Văn N, Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, riêng đối với bị cáo Lê Văn T áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn N từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù; xử phạt Lê Văn T từ 07 (bảy) đến 10 (mười) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch sung quỹ nhà nước số tiền 180.000 (một trăm tám mươi nghìn) đồng và tịch thu tiêu hủy 01 thanh gỗ; các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

+ Bị cáo N: Bản thân không được đi học, thiếu hiểu biết, phạm tội lần đầu và đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

+ Bị cáo T: Bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp để sớm được trở về với gia đình, vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ của vụ án, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và

các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng hơn 15 giờ ngày 31 tháng 01 năm 2020 các bị cáo Lương Văn N và Lê Văn T đã đến nhà ông Phạm Ngọc Ng thuộc thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái và lợi dụng trong lúc gia đình ông Ng vắng nhà, N và T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc tivi Samsung 43 inch giá trị 2.900.000 (hai triệu chín trăm nghìn) đồng. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của ông Ngoan mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị coi là tội phạm, nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo đều là những người có nhân thân xấu, đều đã bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc, bị cáo T đã có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, bị cáo N đang bị khởi tố, điều tra về tội cố ý gây thương tích. Nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, thể hiện sự coi thường pháp luật.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết sau: Các bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ cho ông Phưởng, tài sản các bị cáo chiếm đoạt không lớn và đã kịp thời thu hồi trả lại cho người bị hại nên gây thiệt hại không lớn, tại phiên tòa và trong quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự được xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra, sau khi tội phạm được phát hiện, các bị cáo đã đến cơ quan điều tra để đầu thú, đây được coi là tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 cũng cần áp dụng cho các bị cáo được hưởng.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Ngày 27/6/2018 bị cáo Lê Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tính đến thời điểm phạm tội lần này bị cáo chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, Mặc dù các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công thực hiện hành vi phạm tội, nhưng bị cáo N là người khởi xướng rủ rê T cùng thực hiện hành vi phạm tội nên N giữ vai trò chính trong vụ án.

[8] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Thấy cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cần phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội cũng như việc răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung. Trong vụ án này, bị cáo N là người giữ vai trò chính, còn bị cáo T là người bị bị cáo N rủ rê nhưng lại tích cực trong việc thực hiện tội phạm, ngoài việc được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như

nhau, thì T còn phải chịu 01 tình tiết tăng nặng. Nên khi quyết định mức hình phạt thì Hội đồng xét xử cũng cần phải xem xét cân nhắc quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo cho phù hợp.

[9] Các bị cáo không có tài sản, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Đối với ông Trần Văn P, là người đã mua chiếc ti vi do N và T trộm cắp, nhưng ông P không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông P là phù hợp.

[11] Đối với chiếc xe mô tô mà T và N đã sử dụng làm phương tiện trong quá trình thực hiện tội phạm là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn H (mẹ đẻ của bị cáo T). Bà H không biết việc T và N sử dụng trong quá trình thực hiện tội phạm, nên Cơ quan điều tra không thu giữ xử lý là phù hợp.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Phạm Ngọc Ng đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, ông Trần Văn P đã nhận đủ số tiền do gia đình các bị cáo bồi thường. Quá trình điều tra ông Ng, ông P không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về vật chứng: Đối với số tiền 180.000 đồng mà bị cáo Lương Văn N đã giao nộp cho Cơ quan điều tra, đây là số tiền còn lại trong số tiền 1.200.000 bị cáo nhận của ông P từ việc bán chiếc ti vi, nhưng gia đình các bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho ông P, nên khoản tiền trên cần trả lại cho bị cáo N; đối với 01 thanh gỗ không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[14] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[15] Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Lương Văn N và Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Văn N 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 01 tháng 02 năm 2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 01 tháng 02 năm 2020.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Lương Văn N số tiền 180.000 (một trăm tám mươi nghìn)

đồng (theo biên bản giao nhận vật chứng số 18 ngày 22/4/2020 giữa Công an huyện Văn Yên với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên).

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh gổ (theo biên bản giao nhận vật chứng số 18 ngày 23/4/2020 giữa Công an huyện Văn Yên với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên).

- Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lương Văn N và Lê Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Cơ quan CSĐT + Cơ quan THADS Công an huyện Văn Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án, TA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Việt Hà